

Số: /UBND-NCKS

Quảng Nam, ngày tháng năm 2022

V/v chấn chỉnh việc chấp hành pháp
luật về bảo vệ bí mật nhà nước trên
địa bàn tỉnh Quảng Nam

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

I. Thời gian qua, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã nhận thức rõ công tác bảo vệ bí mật nhà nước có vị trí, tầm quan trọng đặc biệt, góp phần giữ vững ổn định chính trị phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội nên đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, dẫn đến không quản lý được bí mật nhà nước và nguy cơ lộ, mất bí mật nhà nước rất lớn, như:

1. Nhiều đơn vị, địa phương tuy đã thực hiện quy định về đề xuất độ mật tại Tờ trình/Phiếu trình nhưng không ghi nhận cụ thể điểm, khoản, điều trong Quyết định về danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành được sử dụng làm căn cứ xác định bí mật nhà nước; xác định và đóng dấu chỉ độ mật đối với những văn bản không chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc không xác định và không đóng dấu chỉ độ mật đối với những văn bản chứa thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc đã xác định nhưng xác định sai độ mật¹.

Văn bản bí mật nhà nước không ghi nhận nội dung: được phép hoặc không được phép sao, chụp; tên người soạn thảo; số lượng bản phát hành tại mục “Nơi nhận”; không đóng dấu “BẢN SỐ”, kể cả bản lưu; in sẵn dấu chỉ độ mật đen trên văn bản².

2. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định³, như: photocopy, gửi văn bản, tài liệu chứa thông tin thuộc bí mật nhà nước nhưng không thực hiện “Sao y” hoặc “Sao lục” hoặc

¹ Không đúng quy định Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

² Không đúng quy định tại Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP; Điều 2, Điều 3 Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

³ Khoản 2 Điều 5, Điều 11 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ và điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

“Trích sao”; không đóng dấu “BẢN SAO BÍ MẬT NHÀ NƯỚC”, “BẢN SAO SỐ” vào bản sao bí mật nhà nước⁴.

3. Văn bản, tài liệu bí mật nhà nước không được thông kê theo trình tự thời gian và độ mật; nơi lưu giữ không đảm bảo an toàn; không thực hiện thông kê bí mật nhà nước hằng năm và không phân loại cụ thể từng loại tài liệu bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và Điều 2 Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

Không thực hiện bàn giao bí mật nhà nước của cán bộ quản lý bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước.

4. Đăng ký văn bản mật đến và đăng ký văn bản mật đi trên hệ thống cơ sở dữ liệu tại máy tính kết nối internet; ký nhận văn bản tại “*Sổ theo dõi văn bản mật đến*” mà không ký nhận tại “*Sổ chuyển giao bí mật nhà nước*” theo quy định; sử dụng bì thư thường (*không phải loại giấy dai, bền, khó thấm nước; nhìn thấu qua được*) để chứa tài liệu mật và không đóng dấu chỉ độ mật (A, B, C) ngoài bì thư theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ; chưa lập sổ quản lý, theo dõi bí mật nhà nước theo quy định và chưa sử dụng “*Sổ chuyển giao bí mật nhà nước*” khi chuyển giao văn bản, tài liệu bí mật nhà nước.

5. Soạn thảo, lưu giữ văn bản, tài liệu chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính cá nhân, máy tính đang kết nối internet hoặc máy tính có lịch sử kết nối internet, điện thoại thông minh, thiết bị lưu trữ ngoại vi không bảo mật, thậm chí có trường hợp truyền đưa bí mật nhà nước trên không gian mạng không quy đúng quy định pháp luật; sử dụng chung thiết bị ngoại vi giữa máy vi tính có kết nối mạng và máy vi tính soạn thảo, lưu giữ văn bản mật gây lây nhiễm virus chéo giữa các máy; nhiều máy vi tính không được cài đặt phần mềm diệt virus, sử dụng hệ điều hành tồn tại lỗ hổng bảo mật.

6. Một số đơn vị, địa phương chưa bố trí cán bộ kiêm nhiệm thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ; chưa trang bị đủ các mẫu sổ và mẫu dấu phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA.

II. Để khắc phục tình trạng trên, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Công tác bảo vệ BMNN tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương thực hiện một số nội dung sau:

1. Thường xuyên quán triệt, yêu cầu cán bộ, đảng viên nghiên cứu, nắm vững và thực hiện nghiêm quy định Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, văn bản hướng dẫn thi hành; giáo dục nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên về công tác bảo vệ bí mật nhà nước, đặc biệt là cán bộ làm công tác cơ yếu, văn thư.

⁴ Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ.

2. Thủ trưởng các đơn vị, địa phương thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, đánh giá cán bộ trực tiếp làm công tác liên quan thông tin thuộc bí mật nhà nước. Trường hợp xét thấy không đảm bảo năng lực, yêu cầu công tác, tiêu chuẩn, tiêu chí theo vị trí công việc thì căn cứ thẩm quyền của thủ trưởng các đơn vị, địa phương hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chuyển, bố trí công tác khác và lựa chọn cán bộ vững về chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu pháp luật bí mật nhà nước, đảm bảo tiêu chuẩn, tiêu chí theo vị trí công việc để bố trí thực hiện công việc thường xuyên tiếp xúc thông tin thuộc bí mật nhà nước.

Trường hợp các đơn vị, địa phương buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn, không kịp thời chấn chỉnh để dẫn đến vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước thì sẽ kiên quyết xử lý theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu cán bộ, đảng viên rà soát, xóa gỡ tài liệu mang bí mật nhà nước ra khỏi máy tính đã/đang kết nối internet, đã truyền đưa trên không gian mạng không đúng quy định (*ứng dụng mạng xã hội, thư điện tử...*).

Nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên: ⁽¹⁾ Chụp ảnh, truyền đưa bí mật nhà nước trên không gian mạng không đúng quy định (*ứng dụng mạng xã hội, thư điện tử...*); ⁽²⁾ Soạn thảo, lưu giữ, truyền đưa tài liệu bí mật nhà nước trên máy vi tính đang kết nối hoặc có lịch sử kết nối mạng internet, mạng máy tính không được bảo mật cơ yếu; ⁽³⁾ Kết nối máy vi tính soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước với các thiết bị có kết nối mạng internet; ⁽⁴⁾ Kết nối thiết bị lưu trữ ngoài (*USB, ổ cứng di động, điện thoại di động...*) không bảo mật cơ yếu giữa máy tính kết nối internet với máy tính soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước; ⁽⁵⁾ Đăng ký bí mật nhà nước đến, đi trên máy tính kết nối mạng internet.

4. Thực hiện nghiêm quy định về đề xuất, xác định độ mật của văn bản. Khi đề xuất độ mật tại Tờ trình/Phiếu trình phải căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước, không đề xuất, xác định theo kinh nghiệm.

Thực hiện nghiêm quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục sao, chụp tài liệu bí mật nhà nước. Rà soát số lượng các bản sao tài liệu bí mật nhà nước không đúng quy định để tiến hành thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thống kê, bảo quản, lưu giữ theo quy định.

Kiểm tra, trang bị đầy đủ các sổ quản lý bí mật nhà nước và mẫu dấu phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA. Thực hiện ký nhận và thống kê đầy đủ khi tiếp nhận, chuyển giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước để xác định đích đến cuối cùng của bí mật nhà nước.

Phân công cán bộ kiêm nhiệm thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước, thực hiện việc ủy quyền trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước (*bằng văn bản*).

5. Rà soát những văn bản không có nội dung bí mật nhà nước đã xác định độ mật để có văn bản đính chính theo quy định pháp luật về việc xác định sai độ mật gửi các cơ quan, tổ chức đã nhận được biết để quản lý, sử dụng; tổ chức tiêu hủy theo quy định các tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không cần thiết phải lưu giữ trên thực tế; rà soát, phân loại bí mật nhà nước để gia hạn thời

hạn bảo vệ bí mật nhà nước/điều chỉnh độ mật/giải mật theo quy định Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Đối với Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương quán triệt, thực hiện nội dung Kết luận số 18/KL-BCA-A03 ngày 18/8/2022 của Bộ Công an theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5699/UBND-NCKS ngày 26/8/2022; báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ BMNN tỉnh (*qua Phòng An ninh chính trị nội bộ, Công an tỉnh*) **trước ngày 15/10/2022** để tập hợp, báo cáo theo quy định; đối với những đơn vị, địa phương Đoàn Kiểm tra của Bộ Công an không trực tiếp kiểm tra thì khẩn trương tự kiểm tra và triển khai thực hiện yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo tại Công văn này, báo cáo kết quả thực hiện về Ban Chỉ đạo (*qua Phòng An ninh chính trị nội bộ, Công an tỉnh*) **trước ngày 30/10/2022**.

7. Giao Công an tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; tổng hợp kết quả, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Công an theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc, khó khăn kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo công tác bảo vệ BMNN tỉnh (*qua Phòng An ninh chính trị nội bộ, Công an tỉnh*) để được hướng dẫn thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục A03 – Bộ Công an;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, HCTC, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh